



TÍN HIỆU HÌNH ẢNH TRONG BẢN TIN TRÊN BÁO MẠNG ĐIỆN TỬ TỪ LÝ THUYẾT PHÂN TÍCH DIỄN NGÔN ĐA THỨC

Trần Thị Huyền Gấm

Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế, 34 Lê Lợi, Huế, Việt Nam

Tóm tắt: Bài báo khảo sát hình ảnh trực quan trong bản tin báo mạng điện tử từ lý thuyết phân tích diễn ngôn đa thức. Trước hết, bài báo giới thiệu một cách khái quát nội dung cơ bản của lý thuyết Ngôn ngữ học chức năng hệ thống, đường hướng Phân tích diễn ngôn đa thức và tín hiệu hình ảnh trong bản tin trên báo mạng điện tử. Nội dung tiếp theo là phân tích ba siêu chức năng của 54 hình ảnh thu thập được từ 30 bản tin theo khung phân tích của Kress và van Leeuwen để thấy được vai trò tạo nghĩa của hình ảnh trong bản tin báo mạng điện tử.

Từ khóa: Ngôn ngữ học chức năng hệ thống, phân tích diễn ngôn đa thức, hình ảnh trực quan

1. Đặt vấn đề

Phương tiện giao tiếp của con người không chỉ có hệ thống ký hiệu ngôn ngữ mà còn có hệ thống tín hiệu giao tiếp khác kèm theo. Với những tiến bộ của khoa học công nghệ, bối cảnh giao tiếp hiện đại khẳng định sự kết hợp đa phương thức trong giao tiếp, cho thấy mối quan hệ kết hợp chặt chẽ giữa ngôn ngữ và hình ảnh. Trong sự phát triển không ngừng của lý thuyết Phân tích diễn ngôn, phương pháp Phân tích diễn ngôn đa phương thức là một hướng nghiên cứu mới, quan tâm đến các tín hiệu giao tiếp khác ngoài ngôn ngữ như tranh ảnh, màu sắc của diễn ngôn. Lý luận của phương pháp Phân tích diễn ngôn đa thức cho rằng việc xây dựng ý nghĩa trong văn bản phụ thuộc vào ảnh hưởng và tác dụng tương hỗ của nguồn ký hiệu đa phương thức chứ không chỉ giới hạn ở hệ thống ngôn ngữ; những phương thức giao tiếp khác cũng có tác dụng có tác dụng xây dựng và phát triển nghĩa trong diễn ngôn.

Sự phát triển của khoa học máy tính, mạng điện tử đã thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động thông tin của nhân loại. Với lợi thế về công nghệ, báo mạng điện tử và bản tin trên báo mạng điện tử có khả năng sử dụng kết hợp đa dạng các tín hiệu giao tiếp gồm ngôn ngữ, hình ảnh, âm thanh, v.v. Đặc biệt, hai loại tín hiệu ngôn ngữ và hình ảnh luôn hiện diện trong bản tin trên báo mạng điện tử. Nghiên cứu nghĩa của hình ảnh trong bản tin là điều cần thiết để hiểu nghĩa

*Liên hệ: huyengamsp@gmail.com

Nhận bài: 20-11-2019; Hoàn thành phân biện: 23-11-2019; Ngày nhận đăng: 28-11-2019

của diễn ngôn bản tin một cách trọn vẹn. Trên thế giới, nghiên cứu hình ảnh trên báo chí theo hướng đa phương thức phải kể đến công trình *Photos in the News: appraisal analysis of visual semiosis and verbal-visual intersemiosis* của Economou [1]. Tác giả đã đi vào phân tích cụ thể hình ảnh trong bản tin thời sự trên cơ sở lý thuyết phân tích hình ảnh của Kress và van Leeuwen [3]. Ở Việt Nam, hiện nay chỉ mới có một số tác giả quan tâm phát triển phương pháp này trong Việt ngữ học. Tôn Nữ Mỹ Nhật [7] đã tổng hợp một số vấn đề lý luận và thực tiễn của lý thuyết phân tích diễn ngôn đa thức trong bài *Phân tích diễn ngôn đa thức: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn áp dụng đường hướng này để nghiên cứu về đồng dao, diễn ngôn toán học cho trẻ em với các nghiên cứu Đồng dao: Nghiên cứu so sánh từ cơ sở phân tích diễn ngôn đa thức – chức năng hệ thống, A multimodal analysis of mathematical discourse in English for young learners.*

Bài báo này bước đầu áp dụng phương pháp phân tích diễn ngôn đa thức của Kress và van Leeuwen [3] để phân tích tín hiệu hình ảnh trong diễn ngôn bản tin trên báo mạng điện tử nhằm mục đích tìm hiểu cấu trúc nghĩa và vai trò tạo nghĩa của hình ảnh trong diễn ngôn bản tin trên báo mạng điện tử. Đầu tiên, chúng tôi giới thiệu một cách khái quát nội dung cơ bản của lý thuyết Ngôn ngữ học chức năng hệ thống, đường hướng Phân tích diễn ngôn đa thức và tín hiệu hình ảnh trong bản tin trên báo mạng điện tử. Sau đó, chúng tôi nêu phương pháp nghiên cứu, khung phân tích tín hiệu hình ảnh theo lý thuyết phân tích diễn ngôn đa thức và cuối cùng là trình bày kết quả phân tích và rút ra kết luận.

2. Cơ sở lý luận

2.1. Ngôn ngữ học chức năng hệ thống và lý thuyết Phân tích diễn ngôn đa thức

Đa thức được hiểu là những cách thức đa dạng trong đó nhiều tín hiệu (ngôn ngữ, hình ảnh hoặc âm thanh, v.v.) được đồng thời triển khai và tạo ra ý nghĩa. Theo nghĩa cơ bản nhất, đa thức là sự pha trộn các dạng thức văn bản, âm thanh, hình ảnh kết hợp với phương tiện và chất liệu để tạo ra ý nghĩa [4]. Phân tích diễn ngôn đa thức bắt đầu phát triển từ công trình của Kress và van Leeuwen [3]. Các tác giả đã xây dựng nền tảng cho tín hiệu học hình ảnh, đưa ra khung lý thuyết và phương pháp phân tích tín hiệu hình ảnh. Phân tích diễn ngôn đa thức của Kress và van Leeuwen được xây dựng trên nền tảng khung lý thuyết Ngôn ngữ học chức năng hệ thống của Halliday.

Lý thuyết Ngôn ngữ học chức năng hệ thống của Halliday [2] xem xét ngôn ngữ ở mặt chức năng và ngôn ngữ là một hệ thống. Ngôn ngữ được xem là một hệ thống phát triển với văn hóa, xã hội loài người, đóng vai trò trung tâm trong sự tiến hóa, thực hiện các chức năng xã hội. Ngôn ngữ là hệ thống các lựa chọn chứ không phải các quy tắc. Ông quan niệm, ngôn ngữ là một tiềm lực về nghĩa. Halliday đồng hóa nghĩa với chức năng và sử dụng cú như một đơn vị cơ sở để giải thích chức năng ngôn ngữ. Hệ thống các lựa chọn được xây dựng dựa trên luận điểm cho rằng mỗi cấu trúc ngữ pháp có liên quan đến một sự lựa chọn được lấy ra từ một tập

Bảng 1. Khung lý thuyết Ngôn ngữ học chức năng hệ thống với ngôn ngữ và hình ảnh

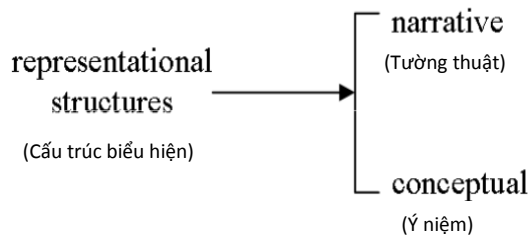
NGÔN TỪ	HÌNH ẢNH	
NỘI DUNG	Văn bản – ngữ nghĩa Các quan hệ trong văn bản (đoạn, bài)	Văn bản – ngữ nghĩa Các quan hệ giữa các bộ phận hình ảnh
	Từ vựng – ngữ pháp Tổ hợp cú (Clause complex) Cú (Clause) Cụm từ (Word group) Từ (Word) (Các hệ thống dựa vào các siêu chức năng)	Công trình Ngữ pháp Cảnh (Scene) Đoạn (Episode) Hình (Figure) Phần (Element) (Các hệ thống dựa vào các siêu chức năng)
BIỂU ĐẠT	Kiểu in/chữ viết và Ngữ âm (Các hệ thống giao chức năng)	Hình (Các hệ thống giao chức năng)

Nguồn: [5, Tr. 449, 451]

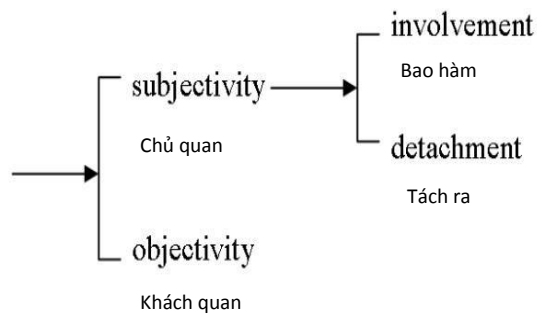
hợp những khả năng có thể được miêu tả được, do đó, ngôn ngữ được xem là nguồn tạo nghĩa. Các hệ thống trong ngữ pháp của Halliday đóng vai trò quan trọng trong việc kiến giải các loại nghĩa khác nhau. Theo Halliday, tổ chức chức năng của ngôn ngữ quyết định hình thức cũng như quy tắc ngữ pháp và ngôn ngữ là một công cụ giao tiếp, phải thực hiện ba chức năng, gồm: chức năng ý niệm (ideational), liên nhân (interpersonal) và tạo văn bản (textual). Ba loại ý nghĩa khác biệt cùng tồn tại và tương tác với nhau trong bất kỳ văn bản nào. Ba siêu chức năng liên quan đến ba khía cạnh của ngữ cảnh tình huống tương ứng hoạt động trong tất cả các ngữ cảnh giao tiếp là trường (field), không khí (tenor) và cách thức (mode).

Kress và van Leeuwen [3] đã miêu tả giao tiếp bằng hình ảnh trong các văn bản như báo, tạp chí, sách giáo khoa, truyện tranh thiếu nhi; O'Toole [6] miêu tả giao tiếp bằng hình ảnh trong tranh vẽ. Dựa trên bộ công cụ phân tích diễn ngôn của Ngôn ngữ học chức năng của Halliday, Kress và van Leeuwen đã xây dựng bộ công cụ phân tích hình ảnh. Hình ảnh cũng tương tự như ngôn ngữ, có thể mô tả các *quá trình*, các *tham thể* tham gia trong các quá trình, các *chu cảnh* trong đó các tham thể và quá trình được biểu hiện. Ngôn từ và hình ảnh là hai tín hiệu khác nhau, hệ thống biểu hiện các siêu chức năng của chúng, vì vậy, cũng khác nhau. O'Halloran [5] đã chỉ ra hệ thống biểu hiện tương ứng của ngôn từ và hình ảnh theo khung phân tích của Ngôn ngữ học chức năng hệ thống (Bảng 1).

Kress và van Leeuwen [3] và O'Toole [6] cho rằng, về cơ bản, ba siêu chức năng của ngữ pháp chức năng hệ thống của Halliday có thể được xác định trong hình ảnh. Ba siêu chức năng: chức năng kinh nghiệm, chức năng liên nhân và chức năng tạo văn bản trở thành khung phân tích tín hiệu hình ảnh. Các tác giả xác định các hệ thống nghĩa kinh nghiệm trong hình ảnh, lập



Hình 1. Các loại cấu trúc trình bày trực quan chính (Nguồn: [3, Tr. 59])

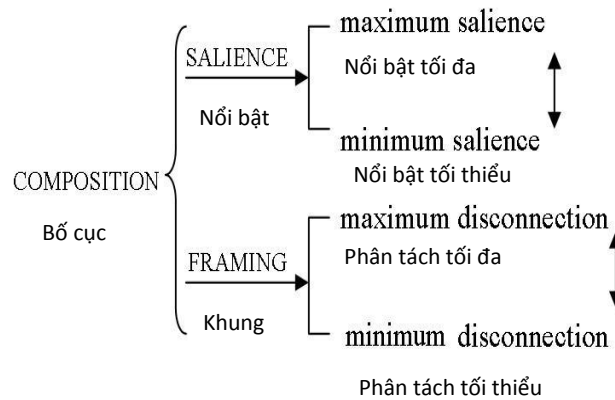


Hình 2. Một phần của hệ thống nghĩa liên nhân (Nguồn: [3], Tr. 149)

bản đồ tiềm năng ý nghĩa của hình ảnh gồm hai loại ý nghĩa là nghĩa tường thuật và nghĩa ý niệm (Hình 1).

Hệ thống ý nghĩa liên nhân được xác định là hệ thống ý nghĩa mà tác giả bức ảnh tác động đến người xem hình ảnh, chẳng hạn như sự lựa chọn giữa hình ảnh chủ quan (trong đó người xem được coi là một phần của ảnh) và hình ảnh khách quan (trong đó thiết kế của hình ảnh 'trung hòa' mọi phối cảnh). Các lựa chọn cụ thể hơn trong sự lựa chọn hình ảnh chủ quan gồm cả sự tham gia của người xem hoặc tách ra (Hình 2).

Siêu chức năng tạo văn bản của Ngôn ngữ học chức năng thể hiện trong tín hiệu hình ảnh mà Kress và van Leeuwen gọi là "bố cục" bao gồm kết nối và ngắt kết nối giữa các yếu tố trong một hình ảnh (được thực hiện bằng các yếu tố đóng khung như viền, không gian) và mức độ nổi bật tối đa hoặc tối thiểu của các đối tượng trong một hình ảnh (được nhận ra bằng vị trí, kích thước, màu sắc, độ tương phản và các tính năng khác) (Hình 3).



Hình 3. Một phần hệ thống thành phần của bố cục (Nguồn: [3, Tr. 210])

2.2. Tín hiệu hình ảnh trong diễn ngôn bản tin báo mạng điện tử

Bản tin là thể loại báo chí cơ bản, cung cấp kịp thời những thông tin sự kiện mới, có hình thức đơn giản, dung lượng ngắn, nội dung súc tích, ngôn ngữ mang tính thông báo cao. Kress và van Leeuwen [3] đã khẳng định sức mạnh thống trị của ngôn ngữ hình ảnh trong truyền thông đại chúng. Ưu thế của báo mạng điện tử là sử dụng và phát huy tối đa vai trò của nhiều hệ thống tín hiệu giao tiếp khác nhau. Để đạt hiệu quả giao tiếp tối ưu, bản tin trên báo mạng điện tử không thể thiếu hai yếu tố văn bản và hình ảnh. Hình ảnh được dùng để minh họa cho nội dung truyền tải của bản tin. Tùy thuộc vào lượng thông tin, độ dài văn bản, nhà báo sử dụng một hay nhiều hình ảnh trong một bản tin. Hình ảnh trong bản tin báo mạng điện tử là ảnh thật chụp được từ sự kiện, khác với tranh vẽ mang nhiều dụng ý chủ quan của tác giả. Hình ảnh trong bản tin vì vậy mang tính khách quan cao. Yếu tố chủ quan của nhiếp ảnh gia, biên tập viên được thể hiện ở góc chụp, phối cảnh và việc chọn đăng ảnh.

3. Phương pháp

Để tìm hiểu đặc điểm của tín hiệu hình ảnh trong bản tin trên báo mạng điện tử theo đường hướng đa phương thức, chúng tôi thu thập dữ liệu hình ảnh trong bản tin từ nguồn là nhiều trang báo điện tử tiếng Việt khác nhau, trong đó có baotintuc.vn, vietnamplus.vn, vnexpress.net, kênh14.vn, voh.com.vn, và baohagiang.vn. Cụ thể, chúng tôi thu thập ngẫu nhiên 30 bài báo từ 2016 đến 2019 và có được 54 hình ảnh làm dữ liệu phân tích. Các hình ảnh được phân tích theo phương pháp phân tích tín hiệu hình ảnh của Kress và van Leeuwen [3], có sự kết hợp giữa phân tích định lượng và định tính.

Bảng 2. Các kiểu kinh nghiệm trong hình ảnh tin

Chức năng kinh nghiệm trong hình ảnh	Ngữ pháp kinh nghiệm	Biểu hiện
Quá trình	Các quá trình trực quan: 1. Vật chất 2. Hành vi 3. Phát ngôn 4. Tinh thần 5. Quan hệ	Vecto, liên kết
Tham thể	Các kiểu tham thể trực quan: 1. Hành thể, đích thể 2. Ứng thể 3. Phát ngôn thể, tiếp ngôn thể 4. Cảm thể, hiện tượng 5. Đương thể, thuộc tính	Hình khối, phần
Chu cảnh	Các chu cảnh trực quan: không gian, thời gian	Vecto, hình khối, phần

Nguồn: [1, Tr. 86]

Lý thuyết phân tích diễn ngôn đa phương thức của Kress và van Leeuwen [3] cung cấp một phương pháp phân tích tín hiệu hình ảnh theo ba siêu chức năng. Tổ chức ngữ nghĩa của hình ảnh cũng như cấu trúc của yếu tố ngôn ngữ, được xác định theo mô hình cấp độ từ cao xuống thấp gồm: hình (Figure) – phần (Element) – bộ phận của yếu tố (Part of element). Phần là các hình khối, vecto có hướng được xác định trong ảnh; bộ phận của yếu tố là những chi tiết cụ thể của hình khối, vecto. Các thành phần, bộ phận trong hình đóng vai trò là phương tiện để hình ảnh thực hiện các siêu chức năng. Tín hiệu hình ảnh thực hiện đồng thời ba siêu chức năng: chức năng ý niệm, chức năng tạo văn bản và chức năng liên nhân. Chức năng ý niệm thể hiện bằng cấu trúc nghĩa của hình ảnh và được chia làm hai loại là nghĩa tường thuật và nghĩa khái niệm. Ý nghĩa tường thuật của ảnh biểu hiện qua các quá trình kinh nghiệm với tham thể và chu cảnh xác định. Economou [1] đã tổng hợp các kiểu kinh nghiệm trong ảnh tin tức. Ba yếu tố: quá trình – tham thể – chu cảnh của tín hiệu hình ảnh được thể hiện bằng hình khối, vecto, và liên kết (Bảng 2).

Bảng 3. Bố cục của hình ảnh tin

Nội dung bố cục	Biểu hiện	
Độ nổi bật	Vị trí	Trung tâm Phía trước bố cục Chồng lên chi tiết khác Bất đối xứng
	Sự tương phản/ tương đồng	Kích thước, tông màu, độ sắc nét
Khung	Liên kết các yếu tố trực quan thành các đơn vị, tách các đơn vị thông qua khung, lề	

Nguồn: [1, Tr. 93–96]

Bảng 4. Ý nghĩa tương tác của hình ảnh

Ý nghĩa	Biểu hiện
Mức độ tham gia: thân thuộc/xa cách	Góc nhìn ngang: trước – chéo – sau (Điểm nhìn tăng/giảm mức độ tham gia)
Quyền lực: Trạng thái cao/thấp/ ngang bằng	Góc nhìn dọc: cao/thấp/ trung bình (Điểm nhìn củng cố trạng thái)
Khoảng cách xã hội: mức độ thân mật	Kích thước khung hình: tầm nhìn gần đến xa (Điểm nhìn tăng giảm mức độ thân mật)

Nguồn: [1, Tr. 101]

Chức năng tạo văn bản trong hình ảnh chính là tạo lập bố cục gắn liền với ý nghĩa thông tin của hình ảnh, đem đến cho bức ảnh sự gắn kết giữa các phần. Hai ý nghĩa bộ phận của chức năng tạo văn bản là cách thức các thành phần thông tin được làm nổi bật và cách kết nối các thành phần thông tin trong bức ảnh. Độ nổi bật của thành phần trong ảnh được tạo ra thông qua hai yếu tố là vị trí và mức độ tương phản hay tương đồng giữa các thành phần. Cách kết nối các thành phần thông tin được gọi là khung, thể hiện bằng sự liên kết hay phân tách các thành phần trong ảnh. Economou [1] đã làm rõ các khía cạnh biểu hiện của bố cục hình ảnh tin để làm tiêu chí cho việc phân tích (Bảng 3).

Nghĩa liên nhân của hình ảnh được xác định là mối quan hệ giữa người sản xuất ảnh với người xem, thể hiện bằng ý nghĩa tương tác của hình ảnh. Hệ thống nghĩa tương tác theo khung của Kress và van Leeuwen gồm mức độ tham gia, quyền lực và khoảng cách xã hội. Hệ thống nghĩa tương tác cùng những biểu hiện cụ thể mà Kress và van Leeuwen đưa ra được dùng để phân tích hình ảnh trực quan nói chung cũng như tín hiệu hình ảnh trong bản tin (Bảng 4).

Ba siêu chức năng: ý niệm, tạo văn bản và liên nhân thể hiện trong nội dung ảnh tương ứng với ý nghĩa, bố cục và tính tương tác của hình ảnh. Ba khía cạnh này cần được đồng thời phân tích khi đọc nội dung của tín hiệu hình ảnh.

4. Kết quả

Chúng tôi thực hiện phân tích 54 hình ảnh thu thập được trong 30 bản tin báo mạng điện tử theo trình tự các bước trong khung phân tích hình ảnh của Kress và van Leewen [3]. Sau đây là kết quả phân tích một hình ảnh cụ thể. Ảnh A là ảnh minh họa trong bản tin có tựa đề: *Lãnh đạo hai chính đảng lớn tại Israel gặp Cố vấn Cấp cao Nhà Trắng* đăng trên trang báo baotintuc.vn. Mục đích của bài báo này là đưa tin một cách khách quan về sự kiện Thủ tướng Israel, Benjamin Netanyahu, và Chủ tịch đảng liên minh Xanh – Trắng, ông Benny Gantz, đã lần lượt gặp riêng rẽ Cố vấn Cấp cao Nhà Trắng Jared Kushner tại Văn phòng Thủ tướng và Đại sứ quán Mỹ tại Jerusalem. Ảnh A minh họa cuộc gặp mặt của Thủ tướng Israel, Benjamin Netanyahu, và Cố vấn cao cấp Nhà Trắng, Jared Kushner. Trong phần phân tích này, chúng tôi tập trung đọc nội dung ảnh dựa vào các chi tiết nội tại, không gắn kèm thông tin cụ thể về danh tính nhân vật cũng như thông tin từ phần văn bản của bản tin.

Cấu trúc nghĩa của ảnh A được xác định gồm ba phần:

1. Người đàn ông A – bên trái, xác định bằng hình khối (khoanh đỏ) gồm các thông tin bộ phận: nam giới, trẻ tuổi, cao, vóc dáng cân đối, tóc đen, vest đen, áo sơ mi trắng, cà vạt xanh.
2. Người đàn ông B – bên phải, xác định bằng hình khối (khoanh đỏ) gồm các thông tin bộ phận: nam giới, lớn tuổi, thấp, người mập, tóc bạc, vest đen, áo sơ mi trắng, cà vạt xanh.



Ảnh A (Nguồn: <https://baotintuc.vn/the-gioi/lanh-dao-hai-chinh-dang-lon-tai-israel-gap-co-van-cap-cao-nha-trang-20191029102837058.htm>)



Ảnh A': Đánh dấu các thành phần nghĩa có trong ảnh A

Bảng 5. Tổng hợp ý nghĩa của ảnh

Thành phần trực quan	Ý nghĩa	Bố cục	Tương tác
Người đàn ông A – trái	Tham thể 1	Mức độ nổi bật: Người đàn ông A: cao	Mức độ tham gia ngang bằng Quyền lực ngang bằng
Người đàn ông B – phải	Tham thể 2	Người đàn ông B: cao	Khoảng cách trung bình
A bắt tay B	Quá trình vật chất	Mức độ nổi bật: cao nhất	Mức độ chú ý cao với sự tương tác xã hội A – B
A và B nhìn vào mắt nhau			
Hoàn cảnh			
Tường trắng	Địa điểm	Mức độ nổi bật thấp	
Quốc kỳ của hai nước	Nền	Độ nổi bật trung bình	

3. Sự tương tác giữa hai người, xác định bằng các đường vectơ (mũi tên đỏ): hành động bắt tay (hướng tay vào người đối diện), giao tiếp mắt (ánh mắt hướng vào người đối diện).

Các thành tố có trong cấu trúc nghĩa cho thấy Ảnh A có cấu trúc nghĩa tường thuật, thể hiện quá trình vật chất (bắt tay) với hai tham thể là người đàn ông A và người đàn ông B trong chu cảnh là không gian trong phòng, tường trắng, quốc kỳ hai nước làm nền. Bố cục của Ảnh A gồm có: mức độ nổi bật cao của người đàn ông A và B (chiếm diện tích lớn trong khung hình, vị trí phía trước khung hình, hình ảnh đặt chồng lên chi tiết quốc kỳ phía sau, sự tương đồng về màu sắc của trang phục), hai đối tượng được đóng khung bằng đường viền tạo ra từ cánh tay của hai người; mức độ nổi bật cao nhất của quá trình tương tác giữa A và B – bắt tay (vị trí trung tâm khung hình, vị trí chồng lên chi tiết khác), quốc kỳ hai nước có độ nổi bật trung bình (vị trí trung tâm, bị chi tiết khác chồng lên); tường trắng có mức độ nổi bật thấp nhất (phía sau khung hình). Áp dụng khung phân tích nghĩa liên nhân, Ảnh A có 3 bộ phận mang ý nghĩa đánh giá là người đàn ông A, người đàn ông B và quá trình tương tác A – B. A và B đều có góc nhìn chéo, thể hiện mức độ tham gia vừa phải, A và B được chú ý ngang nhau. Cái bắt tay – sự tương tác A – B được chụp ở góc trước, thể hiện mức độ chú ý cao nhất. Về thái độ đánh giá quyền lực, diềm nhìn ngang nhau ngụ ý quan hệ quyền lực ngang nhau của người xem đối với cả A và B. Tâm nhìn của người xem đối với hai đối tượng trong ảnh ngang nhau về độ xa gần thể hiện khoảng cách xã hội bằng nhau đối với hai đối tượng (Bảng 5).

Phân tích chức năng ý niệm của 54 hình ảnh khảo sát cho kết quả có tổng số 54 quá trình ý niệm tương ứng. Các quá trình này được xác định và phân loại thành hai nhóm nghĩa là nghĩa tường thuật và khái niệm (Bảng 6).

Bảng 6. Phân bố các quá trình trong hình ảnh trên bản tin báo mạng điện tử tiếng Việt

Quá trình	Tường thuật					Khái niệm	Tổng
	Vật chất	Hành vi	Phát ngôn	Tinh thần	Quan hệ		
Số lượng	26	12	10	2	0	4	54
Tỉ lệ, %	48	22	19	4	0	7	100

Kết quả thống kê cho thấy cả hai quá trình tường thuật và khái niệm đều được sử dụng trong các hình ảnh trên bảng tin báo mạng điện tử. Trong đó, nghĩa tường thuật được sử dụng với tỉ lệ áp đảo 93% so với nghĩa khái niệm chỉ có 7%, chứng tỏ rằng hình ảnh trực quan trong bản tin báo mạng điện tử chủ yếu liên quan đến các hành động và sự kiện, thể hiện đúng bản chất của bản tin là cung cấp tức thời thông tin sự kiện vừa xảy ra, đang hay sắp xảy ra.

Hình ảnh có ý nghĩa tường thuật trong bản tin báo mạng điện tử thuộc các quá trình hoạt động khác nhau: hành vi, vật chất, phát ngôn, tinh thần, quan hệ. Hình ảnh thể hiện quá trình vật chất có số lượng lớn nhất với 26 ảnh, tỉ lệ 48%. Mục đích của hình ảnh trong bản tin là minh họa cho các hành động, tường thuật các sự kiện. Ảnh chụp ghi lại sự kiện có hiệu quả thông tin cao, thể hiện được hành động của nhân vật, đối tượng liên quan và chu cảnh một cách chi tiết. Bản tin trên báo mạng điện tử sử dụng hình ảnh thể hiện quá trình hành vi với 22%. Các hình ảnh này tập trung vào những khía cạnh như những người liên quan, bối cảnh, hậu quả của sự kiện. Chúng được chụp với những người đã phát ngôn, tuyên bố về sự kiện, người, địa điểm, đối tượng được nói đến. Những bức ảnh này biểu hiện những thông tin về nhân vật mà phần văn bản không đề cập đến như giới tính, độ tuổi, sắc tộc, thành phần xã hội. Các hình ảnh thể hiện quá trình nói năng có tỉ lệ (19%), quá trình tinh thần có tỉ lệ (4%). Trong số các hình ảnh khảo sát không có ảnh thể hiện quá trình quan hệ.

Khảo sát hình ảnh trong bản tin theo những tiêu chí thực hiện chức năng tạo văn bản, chúng tôi nhận thấy rằng các thành phần chính tạo nghĩa của bức ảnh trong bản tin được đánh dấu với mức độ nổi bật cao. Những phương thức tạo sự nổi bật cho đối tượng theo thống kê của Economou [1]: đặt thành phần tạo nghĩa ở vị trí trung tâm, phía trước khung hình, chùng lên các chi tiết nền, vị trí bất đối xứng đều được sử dụng, có sự phối hợp nhiều phương thức để tăng hiệu quả tạo bố cục. Chẳng hạn, trong Ảnh A có sự kết hợp hai cách làm nổi bật chủ thể đó là đặt chủ thể ở trung tâm ảnh, chùng lên đối tượng khác. Trong Ảnh F, chủ thể có một phần bị khuất bởi đối tượng khác, ở xa mặt trước bức ảnh đã được làm nổi bật bằng cách sử dụng kỹ thuật đồ họa để làm mờ các những đối tượng khác, tạo sự tương phản bằng độ sắc nét, đối tượng chính có độ sắc nét cao.



Ảnh B: Quá trình vật chất: giúp đỡ
(Nguồn: <https://www.vietnamplus.vn/hon-459-ty-dong-ung-ho-dong-bao-lu-lut-qua-mat-tran-to-quooc-cac-cap/413817.vnp>)



Ảnh C: Quá trình hành vi: lắng nghe
(Nguồn: <https://ngoisao.net/thuong-truong/vo-chong-chu-ca-phe-trung-nguyen-dau-khau-tai-phien-toa-ly-hon-3883612.html>)



Ảnh D: Quá trình tinh thần: giận dữ
(Nguồn: <http://kenh14.vn/guong-mat-gian-du-dang-so-cua-mourinho-sau-tran-thua-feyenoord-20160916123451187.chn>)



Ảnh E: Quá trình phát ngôn
(Nguồn: <http://baohagiang.vn/xa-hoi/201810/dai-bieu-quooc-hoi-tinh-ha-giang-phat-bieu-thao-luan-tai-ky-hop-thu-6-735486/>)



Ảnh F (Nguồn: <https://voh.com.vn/phap-luat/v-an-1-nam-6-thang-tu-doi-voi-ong-nguyen-huu-linh-342627.html>)

Khung của hình ảnh trong bản tin báo mạng điện tử được tạo dựng một cách linh hoạt bằng nhiều yếu tố khác nhau hay đường nét bộ phận của các yếu tố như cạnh, lề của vật thể. Bằng việc kết hợp các yếu tố như khung viền, vị trí, màu sắc, người chụp xác định trọng tâm của hình ảnh, tổ chức bố cục của hình ảnh theo mục đích và nội dung giao tiếp nhất định.

Nghĩa liên nhân của hình ảnh trong bản tin là mối quan hệ giữa độc giả với nhà báo, những người sản xuất tin có trách nhiệm chụp và lựa chọn ảnh đăng. Ảnh trong bản tin thời sự có những cách thức để tác động đến thái độ, sự đánh giá của độc giả. Đây là cách mà các tiêu chuẩn đánh giá của người sản xuất ảnh được đưa vào trong ảnh, nhằm định hướng cái nhìn của độc giả. Phân tích những yếu tố thực hiện chức năng liên nhân của hình ảnh: góc nhìn, kích thước khung hình, chúng tôi nhận thấy rằng về đa phần kích thước khung hình có tầm nhìn cận nhằm tạo cho độc giả cảm giác gần gũi với đối tượng, nhân vật trong ảnh. Về góc nhìn dọc, phần lớn là điểm nhìn trung bình, thể hiện quan hệ quyền lực ngang bằng giữa người xem với nhân vật trong ảnh. Điểm nhìn trung bình này cho phép người xem có cái nhìn khách quan, không chịu sự chi phối bởi quan hệ quyền lực cao hơn hay thấp hơn. Góc nhìn ngang – phương thức thể hiện mức độ tham gia, thu hút sự quan tâm của độc giả – có biểu hiện khá đa dạng. Tùy thuộc vào nội dung của hình ảnh, các đối tượng được chụp ở những góc nhìn khác nhau. Có khi chuỗi hình ảnh cùng đưa tin về một sự kiện, cùng một đối tượng nhưng trong những ảnh chụp khác nhau lại được nhìn ở những góc khác nhau. Mục đích của việc này là để hướng sự chú ý của người xem vào đối tượng nhất định theo chủ ý của tác giả bức ảnh. Ngoài ra, khi muốn tạo sự chú ý cao vào đặc điểm của nhân vật thì tác giả sử dụng góc nhìn trước, nhưng khi muốn tạo chú ý vào hành động của nhân vật thì nhân vật được nhìn ở góc chéo hay góc sau, bởi khi ít chú ý vào chi tiết miêu tả nhân vật thì hành động của nhân vật được nổi bật và thu hút sự quan tâm hơn. Chẳng hạn trong Ảnh B, góc nhìn ngang được sử dụng cho người phụ nữ bên trái, thu hút sự chú ý của độc giả vào những đặc điểm mô tả của nhân vật, đặc biệt là trạng thái cảm xúc. Trong khi đó, người phụ nữ phía bên phải được chụp với góc nhìn chéo. Ở góc nhìn này, độ chú ý vào đặc điểm cá nhân của nhân vật bị hạn chế hơn mà thay vào đó, hành động của nhân vật (hành động giúp đỡ, hỗ trợ) thu hút sự chú ý của người xem nhiều hơn.

Hình ảnh trong bản tin có mối quan hệ mật thiết với văn bản. Mối quan hệ hình ảnh – văn bản là quan hệ bổ sung hai chiều, văn bản bổ sung nghĩa cho hình ảnh và hình ảnh bổ sung nghĩa cho văn bản. Trong bản tin báo mạng điện tử, hình ảnh bổ sung những thông tin miêu tả chi tiết, góp phần làm rõ nội dung của văn bản. Ngược lại, hình ảnh chỉ là lát cắt được ghi lại trong sự kiện, văn bản bổ sung thông tin để hình ảnh được hiểu một cách đầy đủ và toàn diện. Những nội dung chứa đựng trong mỗi hình ảnh mà ta rút ra được theo khung phân tích có vai trò quan trọng trong việc tạo nghĩa, cung cấp thông tin, cùng với phần văn bản thực hiện chức năng giao tiếp của diễn ngôn bản tin trên báo mạng điện tử.

5. Kết luận

Trong bối cảnh giao tiếp ngày nay, giao tiếp hình ảnh hiện diện mọi nơi. Lý thuyết phân tích diễn ngôn đa thức của Kress và van Leeuwen đưa đến bước tiến quan trọng trong nghiên cứu diễn ngôn gắn liền với tín hiệu hình ảnh. Khung phân tích hình ảnh mà hai tác giả đề xuất

thể hiện khả năng ưu việt trong việc phân tích nghĩa, vai trò của tín hiệu hình ảnh trong hàng loạt thể loại, đặc biệt là báo chí. Áp dụng khung phân tích hình ảnh của phương pháp phân tích diễn ngôn đa thức vào phân tích tín hiệu ảnh của diễn ngôn bản tin báo mạng điện tử cho thấy vai trò quan trọng của hình ảnh với tư cách là nguồn lực tạo nghĩa. Hình ảnh trực quan là những minh chứng cụ thể, bổ sung thông tin cho phần nội dung, tăng độ tin cậy và tính thuyết phục cho bản tin trên báo mạng điện tử. Hình ảnh chứa đựng một lượng thông tin lớn mà ngôn từ không thể cập, tăng hiệu quả giao tiếp giữa diễn ngôn và độc giả. Không chỉ vậy, hình ảnh còn là phương tiện truyền đi những ý nghĩa hàm ẩn mà trong nhiều trường hợp người làm báo không trình bày hiển ngôn. Điều này là minh chứng rõ ràng rằng không thể đọc trọn vẹn diễn ngôn bản tin nếu bỏ qua tín hiệu hình ảnh. Bài báo chỉ mới là bước đầu áp dụng khung phân tích diễn ngôn đa thức để tìm hiểu cấu trúc nghĩa của hình ảnh trong bản tin báo mạng điện tử, gợi mở nhiều vấn đề cho những nghiên cứu tiếp theo về diễn ngôn bản tin báo mạng điện tử.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Economou, D. (2009), *Photos in the News: appraisal analysis of visual semiosis and verbal-visual intersemiosis*. Ph. D. thesis, University of Sydney.
2. Halliday, M. A. K. (1994), *Dẫn luận ngữ pháp chức năng*, Hoàng Văn Vân dịch từ tiếng Anh, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
3. Kress, G. and van Leeuwen, T. (1996), *Reading Images – The grammar of visual design*. New York: Routledge.
4. Lu, X. and Dianning Q. (2014), Exploring the multimodality of EFL textbooks for Chinese college students: A comparative study. *RELC Journal*, 45(2), 135–150.
5. O'Halloran, K. L. (2008), Systemic functional-multimodal discourse analysis (SF-MDA): Constructing ideational meaning using language and visual imagery, *Visual Communication* 7(4), pp. 443–475, New York: Sage Publications.
6. O'Toole, M. (1994) *The language of displaced art*. Leicester: Leicester University Press.
7. Tôn Nữ Mỹ Nhật (2015), *Phân tích diễn ngôn đa thức: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Hội thảo Ngữ học toàn quốc 2015, TP. Hồ Chí Minh
8. Nguồn ảnh dữ liệu có trong bài: baotintuc.vn, vietnamplus.vn, kênh14.vn, voh.com.vn, baohagiang.vn, voh.com.vn.

VISUAL IMAGES IN NEWS ON ONLINE NEWSPAPER FROM MULTIMODAL DISCOURSE ANALYSIS PERSPECTIVE

Tran Thi Huyen Gam

University of Education, Hue University, 34 Le Loi St., Hue, Vietnam

Abstract: This paper explores visual images in news on the online newspaper from the multimodal discourse analysis perspective. The first part briefly presents the basic contents of the theory of Systemic Functional Linguistics and Multimodal Discourse Analysis. The second part investigates three metafunctions of 54 visual images from 30 pieces of news according to the analytical framework by Kress and van Leeuwen to clarify the role of visual images in making meanings in news on the online newspaper.

Keywords: systemic functional linguistics, multimodal discourse analysis, visual images